TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **49** /2023/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường M, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định vmức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Văn H và chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*:

Giao 02 con chung là Hoàng Văn Gia B, sinh ngày 13/10/2015 và Hoàng Văn T, sinh ngày 29/11/2017 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Chị Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hoàng Văn H, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/ tháng, chia ra mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng

tháng, kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các con Hoàng Văn Gia B và Hoàng Văn T đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Anh Hoàng Văn H và chị Lê Thị T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Anh Hoàng Văn H và chị Lê Thị T đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Hoàng Văn H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000647 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn H đã nộp đủ án phí, trả lại cho anh H số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Chị Lê Thị T phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lâm, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thuỷ